

Số: 38 /2024/QĐ-UBND

Sóc Trăng, ngày 07 tháng 10 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy chế tổ chức tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;*

*Căn cứ Luật Hộ tịch ngày 20 tháng 11 năm 2014;*

*Căn cứ Luật Kế toán ngày 20 tháng 11 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Dân quân tự vệ ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 72/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Dân quân tự vệ về tổ chức xây dựng lực lượng và chế độ, chính sách đối với Dân quân tự vệ;*

*Căn cứ Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;*

*Căn cứ Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;*

*Căn cứ Nghị định số 116/2024/NĐ-CP ngày 17 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức và Nghị định số 06/2023/NĐ-CP ngày 21 tháng 02 năm 2023 quy định về kiểm định chất lượng đầu vào công chức;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tỉnh Sóc Trăng.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 25 tháng 10 năm 2024 và thay thế Quyết định số 21/2022/QĐ-UBND ngày 07 tháng 10 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng ban hành Quy chế tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, tỉnh Sóc Trăng; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng và các cơ quan có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Vụ Pháp chế - Bộ Nội vụ;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL- Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Công báo tỉnh; Công TTĐT tỉnh;
- Đài PT - TH tỉnh, Báo Sóc Trăng;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Hộp thư điện tử: [sotp@soctrang.gov.vn](mailto:sotp@soctrang.gov.vn);
- Lưu: VT, TH (3b)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Trần Văn Lâu**



ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH SÓC TRĂNG

3

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

## QUY CHẾ

### Tổ chức tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng

(kèm theo Quyết định số 38 /2024/QĐ-UBND ngày 07 / 10/2024  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

## Chương I

### NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

#### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định tổ chức tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã) trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

#### Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các chức danh công chức cấp xã gồm: Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự; Văn phòng - Thống kê; Tài chính - Kế toán; Tư pháp - Hộ tịch; Văn hoá - Xã hội; Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường (đối với phường, thị trấn) hoặc Địa chính - Nông nghiệp - Xây dựng và Môi trường (đối với xã).

2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc tuyển dụng công chức cấp xã tỉnh Sóc Trăng.

#### Điều 3. Nguyên tắc tuyển dụng

1. Bảo đảm công khai, minh bạch, khách quan, công bằng, dân chủ và đúng quy định của pháp luật và bảo đảm tính cạnh tranh.

2. Việc tuyển dụng công chức cấp xã phải căn cứ vào yêu cầu nhiệm vụ, tiêu chuẩn chức danh và số lượng công chức cấp xã được cơ quan có thẩm quyền quy định.

3. Việc tổ chức tuyển dụng công chức cấp xã phải bảo đảm đúng thẩm quyền, quy trình và quy định của pháp luật.

#### Điều 4. Tiêu chuẩn của công chức cấp xã

1. Tiêu chuẩn chung: Thực hiện theo Điều 7 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố.

2. Tiêu chuẩn cụ thể đối với chức danh công chức cấp xã (trừ Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự):

- Độ tuổi: Đủ 18 tuổi trở lên;
- Trình độ giáo dục phổ thông: Tốt nghiệp trung học phổ thông;
- Trình độ chuyên môn nghiệp vụ:

Tốt nghiệp đại học trở lên của ngành đào tạo phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ của từng chức danh công chức cấp xã; Đối với công chức tại các xã đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn (khu vực III) tốt nghiệp từ trung cấp trở lên (theo phụ lục đính kèm).

Riêng chức danh công chức Tư pháp - Hộ tịch thì tiêu chuẩn về trình độ đào tạo là có trình độ từ trung cấp Luật trở lên và đã được bồi dưỡng nghiệp vụ hộ tịch

3. Tiêu chuẩn cụ thể đối với công chức Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự cấp xã thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành về quân sự.

## **Chương II**

### **TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC CẤP XÃ**

#### **Điều 5. Căn cứ tuyển dụng**

Thực hiện theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức; khoản 1 Điều 1 Nghị định số 116/2024/NĐ-CP ngày 17 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức và Nghị định số 06/2023/NĐ-CP ngày 21 tháng 02 năm 2023 quy định về kiểm định chất lượng đầu vào công chức.

#### **Điều 6. Điều kiện đăng ký dự tuyển**

Thực hiện theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ.

Riêng chức danh công chức Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự cấp xã được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ.

#### **Điều 7. Đối tượng và điểm ưu tiên trong thi tuyển hoặc xét tuyển công chức cấp xã**

Thực hiện theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ và khoản 2 Điều 1 Nghị định số 116/2024/NĐ-CP ngày 17 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ.

Riêng Đội viên trí thức trẻ tình nguyện tham gia phát triển nông thôn, miền núi và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 13 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ.

#### **Điều 8. Hội đồng tuyển dụng công chức cấp xã**

Thực hiện theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ và khoản 3 Điều 1 Nghị định số 116/2024/NĐ-CP ngày 17 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ.

**Điều 9. Hình thức, nội dung và thời gian thi tuyển công chức cấp xã**

Thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 116/2024/NĐ-CP ngày 17 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ.

**Điều 10. Xác định người trúng tuyển trong kỳ thi tuyển**

Thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 1 Nghị định số 116/2024/NĐ-CP ngày 17 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ.

**Điều 11. Đối tượng xét tuyển công chức cấp xã**

Thực hiện theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ.

Riêng chức danh công chức Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự cấp xã được thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều 13 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ.

**Điều 12. Nội dung, hình thức xét tuyển công chức cấp xã**

Thực hiện theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ.

**Điều 13. Xác định người trúng tuyển trong kỳ xét tuyển công chức cấp xã**

Thực hiện theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ.

**Điều 14. Thông báo tuyển dụng và tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển công chức cấp xã**

Thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 116/2024/NĐ-CP ngày 17 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ.

**Điều 15. Trình tự tổ chức tuyển dụng công chức cấp xã**

Thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều 1 Nghị định số 116/2024/NĐ-CP ngày 17 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ.

**Điều 16. Thông báo kết quả tuyển dụng công chức cấp xã**

Thực hiện theo quy định tại khoản 8 Điều 1 Nghị định số 116/2024/NĐ-CP ngày 17 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ.

**Điều 17. Hoàn thiện hồ sơ tuyển dụng công chức cấp xã**

Thực hiện theo quy định tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 116/2024/NĐ-CP ngày 17 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ.

**Điều 18. Quyết định tuyển dụng và nhận việc đối với công chức cấp xã**

Thực hiện theo quy định tại khoản 10 Điều 1 Nghị định số 116/2024/NĐ-CP ngày 17 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ.

**Điều 19. Tập sự đối với công chức cấp xã**

Thực hiện theo quy định tại khoản 15 Điều 13 Nghị định số 116/2024/NĐ-CP ngày 17 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ.

**Điều 20. Chế độ, chính sách đối với người tập sự và người hướng dẫn tập sự**

Thực hiện theo quy định Điều 22 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ và khoản 14 Điều 1 Nghị định số 116/2024/NĐ-CP ngày 17 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ.

**Điều 21. Hủy bỏ quyết định tuyển dụng đối với người tập sự**

Thực hiện theo quy định Điều 24 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ.

**Chương III****TIẾP NHẬN VÀO LÀM CÔNG CHỨC CẤP XÃ****Điều 22. Đối tượng tiếp nhận vào làm công chức cấp xã**

Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ.

**Điều 23. Tiêu chuẩn, điều kiện tiếp nhận**

Thực hiện theo khoản 2 Điều 18 của Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 11 Điều 1 Nghị định số 116/2024/NĐ-CP ngày 17 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ).

**Điều 24. Hồ sơ của người được đề nghị tiếp nhận vào làm công chức cấp xã**

Thực hiện theo quy định tại khoản 11 Điều 1 Nghị định số 116/2024/NĐ-CP ngày 17 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ.

**Điều 25. Hội đồng kiểm tra, sát hạch**

1. Khi tiếp nhận các trường hợp quy định tại điểm c, d khoản 1 Điều 14 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ vào làm công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý thì không thành lập Hội đồng kiểm tra, sát hạch.

2. Khi tiếp nhận các trường hợp quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 14 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ vào làm công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý thì thành lập Hội đồng kiểm tra, sát hạch. Thành phần Hội đồng kiểm tra, sát hạch được thực hiện theo quy định tại Điều 8 của Quy chế này.

3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng kiểm tra, sát hạch:

Thực hiện theo khoản 4 Điều 18 của Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 11 Điều 1 Nghị định số 116/2024/NĐ-CP ngày 17 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ).

### **Điều 26. Lưu trữ tài liệu**

1. Tài liệu về kỳ thi bao gồm: Các văn bản về tổ chức kỳ thi của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; văn bản của Hội đồng tuyển dụng, biên bản các cuộc họp Hội đồng tuyển dụng, danh sách tổng hợp người dự thi, túi đựng bài thi và túi đựng đầu phách còn nguyên niêm phong, biên bản bàn giao đề thi, biên bản xác định tình trạng niêm phong đề thi, biên bản lập về các vi phạm quy chế, nội quy thi, biên bản bàn giao bài thi, đề thi gốc, biên bản chấm thi, bảng tổng hợp kết quả thi, quyết định công nhận kết quả thi, biên bản phúc khảo, giải quyết khiếu nại, tố cáo và các loại biên bản khác liên quan đến kỳ thi đều phải lưu trữ thành bộ tài liệu.

2. Chậm nhất là 30 ngày kể từ ngày kết thúc kỳ thi, Ủy viên kiêm Thư ký Hội đồng chịu trách nhiệm bàn giao toàn bộ tài liệu về kỳ thi quy định tại khoản 1 Điều này cho cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng công chức.

### **Điều 27. Giám sát kỳ tuyển dụng công chức cấp xã**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thành lập Ban giám sát kỳ thi tuyển công chức cấp xã cùng thời điểm thành lập Hội đồng tuyển dụng, gồm các thành viên: Trưởng ban và các giám sát viên. Nhiệm vụ cụ thể của các giám sát viên do Trưởng ban phân công.

2. Không cử những người tham gia Hội đồng tuyển dụng, các Ban giúp việc của Hội đồng tuyển dụng làm thành viên Ban giám sát.

3. Không cử làm thành viên Ban giám sát đối với những người có quan hệ là cha, mẹ, anh, chị, em ruột của bên vợ hoặc chồng; vợ hoặc chồng; con đẻ hoặc con nuôi của người dự thi hoặc những người đang trong thời gian bị xem xét xử lý kỷ luật hoặc đang thi hành quyết định kỷ luật.

4. Nội dung giám sát gồm: Việc thực hiện các quy định về tổ chức kỳ tuyển dụng; về thực hiện quy chế và nội quy của kỳ tuyển dụng; về thực hiện chức trách, nhiệm vụ của các thành viên Hội đồng tuyển dụng và của các thành viên tham gia các Ban giúp việc của Hội đồng.

5. Địa điểm giám sát: Tại nơi làm việc của Hội đồng tuyển dụng và các Ban giúp việc của Hội đồng.

6. Thành viên Ban giám sát được quyền vào phòng thi trong thời gian thi, nơi chấm thi trong thời gian chấm thi, chấm phúc khảo; có quyền nhắc nhở thí sinh, giám thị phòng thi, giám thị hành lang, các thành viên khác Hội đồng và thành viên các Ban giúp việc của Hội đồng trong việc thực hiện quy chế và nội quy thi; được quyền yêu cầu giám thị phòng thi lập biên bản đối với thí sinh trong phòng thi vi phạm quy chế, nội quy thi (nếu có).

7. Khi phát hiện vi phạm nội quy, quy chế thi của thành viên Hội đồng tuyển dụng, thành viên của các Ban giúp việc của Hội đồng tuyển dụng thì thành viên Ban giám sát được quyền lập biên bản về vi phạm đó và đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, xử lý theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức.

8. Trường hợp thành viên Ban giám sát không thực hiện đúng chức trách, nhiệm vụ được giao sẽ bị xem xét xử lý trách nhiệm theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức.

### **Điều 28. Giải quyết khiếu nại, tố cáo**

1. Trong quá trình tổ chức kỳ tuyển dụng, trường hợp có đơn thư kiến nghị, khiếu nại, tố cáo thì Hội đồng tuyển dụng phải xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

2. Trường hợp có đơn thư kiến nghị, khiếu nại, tố cáo về các nội dung liên quan đến kỳ tuyển dụng sau khi Hội đồng tuyển dụng đã giải thể thì Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

## **Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **Điều 29. Trách nhiệm của Sở Nội vụ**

Giám đốc Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan hướng dẫn, triển khai; thường xuyên kiểm tra, thanh tra việc thực hiện Quy chế này.

### **Điều 30. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện**

1. Căn cứ tình hình thực tế ở địa phương xây dựng kế hoạch tổ chức triển khai và thực hiện theo quy định về tiêu chuẩn đối với công chức cấp xã trên địa bàn.

2. Hằng năm, rà soát, lập kế hoạch quy hoạch; đào tạo, bồi dưỡng và đăng ký cơ quan có thẩm quyền đề cử công chức cấp xã đi đào tạo, bồi dưỡng nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và đạt chuẩn theo quy định.

### **Điều 31. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã**

1. Tổ chức triển khai và chịu trách nhiệm thực hiện đúng các quy định tại Quy chế này.

2. Hằng năm, căn cứ kế hoạch của Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức rà soát, lập kế hoạch bố trí các chức danh công chức cấp xã; đăng ký nhu cầu tuyển dụng công chức cấp xã để Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức tuyển dụng công chức cấp xã theo quy định.



3. Rà soát, lập kế hoạch quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng và đăng ký cơ quan có thẩm quyền đề cử công chức cấp xã đi đào tạo, bồi dưỡng nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và đạt chuẩn theo quy định.

### **Điều 32. Điều khoản thi hành**

1. Việc thực hiện quy định về tiêu chuẩn đối với công chức cấp xã; về tổ chức tuyển dụng công chức cấp xã phải đảm bảo phù hợp với các quy định pháp luật chuyên ngành có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo văn bản được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh khó khăn, vướng mắc, đề nghị phản ánh kịp thời về Sở Nội vụ để tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo./.



## Phụ lục

**DANH MỤC CÁC CHUYÊN NGÀNH, NHÓM NGÀNH  
PHÙ HỢP VỚI CHỨC DANH CÔNG CHỨC CẤP XÃ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 38 /2024/QĐ-UBND ngày 07 / 10 /2024  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)*

TT	CHỨC DANH	CHUYÊN NGÀNH, NHÓM NGÀNH	GHI CHÚ
1	Chỉ huy Trưởng Quân sự	Quân sự cơ sở	
2	Văn hóa - Xã hội	Luật; Hành chính; Quản lý nhà nước; Lao động - Tiền lương và Bảo trợ xã hội; Công tác xã hội; Xã hội học; Quản lý xã hội; Quản trị nhân lực; Quản lý Văn hóa; Thể dục thể thao; Văn hóa các dân tộc thiểu số; Báo chí; Ngữ văn; Việt Nam học; Tôn giáo; Chính trị học; Quản lý giáo dục; Quản lý thông tin; Công nghệ Truyền thông, Chính trị học; Giáo dục chính trị; Xây dựng Đảng và chính quyền Nhà nước; Chính sách công; Hành chính công; Đông Phương học; Văn hóa học; Dân tộc học; nhóm ngành Du lịch; nhóm ngành Bảo hiểm; nhóm ngành Bảo tàng.	
3	Tài chính - Kế toán	Tài chính; Tài chính - Kế toán; Kiểm toán; Quản lý ngân sách; Lao động-Tiền lương; nhóm ngành Kế toán.	
4	Tư pháp - Hộ tịch	Luật	
5	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	Quản lý đất đai; Quản lý đô thị và công trình; nhóm ngành: Xây dựng, Môi trường, Kiến trúc, Quy hoạch	
	Địa chính - Nông nghiệp - Xây dựng và Môi trường	Quản lý đất đai; nhóm ngành: Xây dựng; Môi trường; Nông nghiệp, Thủy lợi; Thủy sản	
6	Văn phòng - Thống kê	Luật, Hành chính; Quản lý nhà nước; Quản trị hành chính - Văn phòng; Quản trị nhân lực; Hành chính; Văn thư - lưu trữ; Thư ký văn phòng; Công nghệ thông tin; Ngữ văn; Chính trị học; Xây dựng Đảng và chính quyền Nhà nước; Quản lý kinh tế; Hành chính công; Thống kê; Kinh tế số; Thống kê kinh tế; nhóm ngành: Lưu trữ	